

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST

Ngày 31-10-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Công Trường

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

ĐKKHKT: Tiểu khu TC, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Minh T, sinh năm 1980 (xin xét xử vắng mặt)

ĐKKHKT: Tiểu khu TC, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Ấp N, xã L, huyện T1, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2023, bản tự khai ngày 08/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Minh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2019 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chênh lệch về tuổi tác, tính cách không hòa hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo

dài, vợ chồng không còn niềm tin với nhau, tình cảm phai nhạt. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể cải thiện được. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài vì gia đình không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Minh T.

- Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 16/8/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bị đơn anh Phan Minh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau từ ngày 29/3/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 2 năm nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Minh T. Về con chung: Vợ chồng không con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

- + Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

- + Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29/3/2019, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phan Minh T có địa chỉ thường trú tại tiểu khu TC, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Phan Minh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Minh T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chênh lệch về tuổi tác, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh T sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh T cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét thấy chị H và anh T đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Minh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0007354 ngày 08/8/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trịnh Thị Hà**